

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/DS-PT

Ngày: 08 / 12 / 2022

V/v “Tranh chấp tài sản sau khi ly
hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

- Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt
Ông Nguyễn Chí Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê T Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà:
Ông Đỗ Trung Đến - Kiểm sát viên.

Ngày 08/12/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2022/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp tài sản sau khi ly hôn”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2022/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 374/2021/QĐ-PT ngày 17 tháng 11 năm 2022.

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Bà Bùi Thị C, sinh năm 1965

Địa chỉ: ấp A, xã Phú Long, huyện C Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần T Hùng, sinh năm 1963

Địa chỉ: A, đường số A, phường A, thành phố Tân An, tỉnh Long An (văn bản ủy quyền ngày 29/12/2021)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Kim A, sinh năm 1984

Địa chỉ ĐKTT: Tổ A, ấp A, xã Hậu Mỹ Trinh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: ấp A, xã A, huyện C Thành, tỉnh Đồng Tháp.

2. Chị Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1986

Địa chỉ: ấp A, xã Phú Long, huyện C Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Kim Anh và Nguyễn Thị Kim Y:

Ông Trần T Hùng, sinh năm 1963

Địa chỉ: A, đường số A, phường A, thành phố Tân An, tỉnh Long An (văn bản ủy quyền ngày 13/4/2022)

3. Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1967

4. Anh Nguyễn Minh T2, sinh năm 1994

Cùng địa chỉ: A, khu vực A, phường A, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

- Người kháng cáo là bà Bùi Thị C, chị Nguyễn Kim Anh là bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan của vụ án.

(Ông Hùng, ông T, bà C, chị Kim Anh có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 11 năm 2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị C là vợ chồng chung sống với nhau năm 1984, ly hôn năm 2019 theo Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương số: 129/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện C Thành, tỉnh Đồng Tháp. Tại Quyết định số 129 vợ chồng ông chỉ thỏa thuận việc ly hôn và nuôi con chung, về tài sản thì vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn giữa ông và bà C không phân chia được tài sản chung nên ông yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tài sản chung của ông và bà C gồm có:

- Thửa đất số 206, tờ bản đồ số 18, diện tích 167,3m² đất ở tại nông thôn (Bà C đang quản lý sử dụng).

- Thửa đất số 294, tờ bản đồ số 63, diện tích 1.820m² đất trồng cây lâu năm (đo đạc thực tế 1.613,5m²) đang cho ông Nguyễn Ngọc T thuê.

- Thửa đất số 1650, tờ bản đồ số 45, diện tích 10.124m² đất chuyên trồng lúa nước (đo đạc thực tế 10.132m²) đang cho ông Nguyễn Ngọc T thuê.

Cả 03 thửa đất tọa lạc xã Phú Long, huyện C Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- 01 căn nhà cấp 4 xây dựng trên thửa đất 206 (nhà bà C đang ở)

- 01 căn nhà xây dựng trên thửa đất 294 (đã hư không còn sử dụng)

- 01 xe SH Mode biển số kiểm soát 66C1- 36245 do ông T đứng tên (bà C đang sử dụng).

- 01 xe Future biển số kiểm soát 66C1-17636 do ông T đứng tên (ông T đang sử dụng).

- 01 xe Wave biển số kiểm soát 66F5- 5682 mua của Huỳnh Văn Năm Em chưa sang tên (bà C đang sử dụng).

Ông Nguyễn Văn T yêu cầu chia cho ông T được quyền quản lý, sử dụng tài sản:

- 1/3 thửa đất 294 diện tích 535m² theo các mốc 13, 14, 15, 16, 23, 13.

- 1/3 thửa đất 1650 diện tích 3.380m theo các mốc 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 1, 2, 23.

(Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp của Chi nhánh VP.ĐKĐĐ huyện C Thành xác nhận ngày 23/11/2021).

- 01 xe Future biển số kiểm soát 66C1-17636, ông T đồng ý thối lại bà C $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là: $13.000.000đ \times \frac{1}{2} = 6.500.000$ đồng.

Ông T đồng ý chia cho bà Bùi Thị C được quyền quản lý sử dụng tài sản:

- Thửa đất 206, diện tích $167,3m^2$ và 01 căn nhà cấp 4 xây dựng trên đất. Giá trị nhà và đất theo định giá là: $242.465.239đ$ (giá trị nhà) + $120.456.000đ$ (giá trị đất) = $362.921.239$ đồng. Ông T yêu cầu bà C T toán cho ông T $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là: $362.921.239đ \times \frac{1}{2} = 181.460.619$ đồng.

- 1/3 thửa đất 294, diện tích $544,5m^2$ theo các mốc 9, 10, 11, 12, 24, 9.

- 1/3 thửa đất 1650, diện tích $3.370m^2$ theo các mốc 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 24, 3.

(Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp của Chi nhánh VP.ĐKĐĐ huyện C Thành xác nhận ngày 23/11/2021).

- 01 xe SH Mode biển số kiểm soát 66C1- 36245, ông T yêu cầu bà C T toán cho ông T $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là: $40.000.000đ \times \frac{1}{2} = 20.000.000$ đồng.

Ông T đồng ý chia cho Nguyễn Kim Anh và Nguyễn Thị Kim Y được quyền quản lý sử dụng tài sản:

- 1/3 thửa đất 294, diện tích $534m^2$ theo các mốc 12,13, 23, 24,12

- 1/3 thửa đất 1650, diện tích $3.382m^2$ theo các mốc 2, 3, 24, 23, 2

(Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp của Chi nhánh VP.ĐKĐĐ huyện C Thành xác nhận ngày 23/11/2021).

Việc cho thuê đất các bên tự thỏa thuận, không tranh chấp trong vụ án này, trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp thì khởi kiện bằng vụ án khác.

Đối với căn nhà trên thửa đất 294 và 01 xe Wave biển số kiểm soát 66F5-5682, ông T không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn (bà Bùi Thị C) ông Trần T Hùng trình bày:

Ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị C đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương số 129/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện C Thành. Khi ly hôn về tài sản chung ông T và bà C tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung như ông T đã trình bày thì bà C không đồng ý, do trong khối tài sản chung có công sức đóng góp của 02 con là Nguyễn Kim Anh và Nguyễn Thị Kim Y. Vì vậy, bà C yêu cầu Tòa án chia tài sản trên như sau:

- Thửa đất 206, diện tích $167,3m^2$ và 01 căn nhà cấp 4 xây dựng trên đất. Bà C yêu cầu chia làm 4 phần cho bà, ông T, Kim Anh và Kim Y. Bà C đồng ý thối lại cho ông T $\frac{1}{4}$ giá trị nhà và đất là: $362.921.239đ \times \frac{1}{4} = 90.730.309$ đồng. Kim Anh, Kim Y và bà được sử dụng chung tài sản này.

- Thửa đất 294, diện tích đo đạc thực tế $1.613m^2$ và thửa đất 1650, tờ bản đồ số 45, diện tích đo đạc thực tế $10.132m^2$. Bà C yêu cầu chia làm 4 phần cho ông T, bà C, Kim Anh, Kim Y mỗi người $\frac{1}{4}$ diện tích đất. Vị trí đất bà C yêu cầu được chia tiếp giáp với đất ông Nguyễn Văn Minh.

(Theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp của Chi nhánh VP.ĐKĐĐ huyện C Thành xác nhận ngày 22/6/2022).

- Xe SH Mode biển số kiểm soát 66C1- 36245 và xe Future biển số kiểm soát 66C1-17636: Bà C yêu cầu được sở hữu cả 02 xe và đồng ý T toán cho ông T $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là: $(40.000.000đ + 13.000.000đ) \times \frac{1}{2} = 26.500.000đ$ đồng.

Đối với căn nhà xây dựng trên thửa đất 294 và 01 xe Wave biển số kiểm soát 66F5- 5682 bà C không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với hợp đồng cho thuê đất các bên tự thỏa thuận, không tranh chấp trong vụ án này, trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp thì khởi kiện bằng vụ án khác.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Nguyễn Kim Anh và Nguyễn Thị Kim Y) ông Trần T Hùng trình bày:

Nguyễn Kim Anh và Nguyễn Thị Kim Y là con của ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị C. Các thửa đất và căn nhà ông T tranh chấp với bà C là đất cấp cho hộ, có công sức đóng góp của Kim Anh và Kim Y. Vì vậy, Kim Anh, Kim Y yêu cầu:

- Thửa đất 406 và căn nhà trên đất trị giá 362.914.000đồng: Kim Anh và Kim Y thống nhất với ý kiến của bà C chia làm 4 phần. Kim Anh và Kim Y yêu cầu được chia $\frac{2}{4}$ giá trị tài sản và đồng ý nhập chung với tài sản của bà C được chia.

- Thửa đất 294, diện tích đo đạc thực tế $1.613,5m^2$ và thửa đất 1650, diện tích đo đạc thực tế $10.132m^2$: Kim Anh và Kim Y thống nhất với ý kiến của bà C chia làm 4 phần. Kim Anh và Kim Y mỗi người yêu cầu được chia $\frac{1}{4}$ diện tích đất.

Kim Anh và Kim Y không tranh chấp hợp đồng cho thuê đất trong vụ án này, để các bên tự thỏa thuận, trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/8/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc T và anh Nguyễn Minh T2 trình bày:

Vào năm 2019 ông T có thuê của ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị C 02 thửa đất gồm thửa 294 và thửa 1650, đất tọa lạc ấp Phú Thạnh, xã Phú Long, huyện C Thành, tỉnh Đồng Tháp, đất hiện ông T canh tác cùng với con là Nguyễn Minh T2. Ông T không tranh chấp hợp đồng thuê đất trong vụ án này. Trường hợp sau này các bên có tranh chấp thì ông T sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

* Tại quyết định của bản án sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 12/7/2022, Tòa án nhân dân huyện C Thành đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn của ông Nguyễn Văn T.

1/ Ông Nguyễn Văn T được quyền sử dụng và sở hữu tài sản:

- $535m^2$ đất trồng cây lâu năm theo các mốc 13, 14, 15, 16, 23, 13, thuộc một phần thửa 294, tờ bản đồ 63, tọa lạc xã Phú Long, huyện C Thành, tỉnh Đồng Tháp (đất ông Nguyễn Ngọc T đang thuê).

- 3.380m đất chuyên trồng lúa nước theo các mốc 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 1, 2, 23 thuộc một phần thửa đất số 1650, tờ bản đồ số 45, tọa lạc xã Phú Long, huyện C Thành, tỉnh Đồng Tháp (đất ông Nguyễn Ngọc T đang thuê).

- 01 xe Future biển số kiểm soát 66C1-17636 do ông T đứng tên (ông T đang sử dụng).

2/ Bà Bùi Thị C được quyền sử dụng và sở hữu tài sản:

- 167,3m² đất ở tại nông thôn thuộc thửa đất 206, tờ bản đồ số 18, tọa lạc xã Phú Long, huyện C Thành, tỉnh Đồng Tháp (đất bà C đang sử dụng).

- 544,5m² đất trồng cây lâu năm theo các mốc 9, 10, 11, 12, 24, 9, thuộc một phần thửa đất số 294, tờ bản đồ số 63, tọa lạc xã Phú Long, huyện C Thành, tỉnh Đồng Tháp (đất ông T đang thuê).

- 3.370m² đất chuyên trồng lúa nước theo các mốc 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 24, 3, thuộc một phần thửa đất số 1650, tờ bản đồ số 45, tọa lạc xã Phú Long, huyện C Thành, tỉnh Đồng Tháp (đất ông T đang thuê).

- 01 căn nhà cấp 4 xây dựng trên thửa đất 206 (bà C đang ở)

- 01 xe SH Mode biển số kiểm soát 66C1- 36245 do ông T đứng tên (bà C đang sử dụng).

3/ Chị Nguyễn Kim Anh và Nguyễn Thị Kim Y được quyền sử dụng:

- 534m² đất trồng cây lâu năm theo các mốc 12,13, 23, 24, 12 thuộc một phần thửa đất số 294, tờ bản đồ số 63, tọa lạc xã Phú Long, huyện C Thành, tỉnh Đồng Tháp (đất ông T đang thuê).

- 3.382m² đất chuyên trồng lúa nước theo các mốc 2, 3, 24, 23, 2, thuộc một phần thửa đất số 1650, tờ bản đồ số 45, tọa lạc xã Phú Long, huyện C Thành, tỉnh Đồng Tháp (đất ông T đang thuê).

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/02/2020 và Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 04/5/2020 và ngày 23/11/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C Thành).

Ông Nguyễn Ngọc T và anh Nguyễn Minh T2 có nghĩa vụ giao diện tích đất đã chia cho ông T, bà C, Kim Anh, Kim Y.

Ông Nguyễn Văn T, bà Bùi Thị C và chị Nguyễn Kim Anh, Nguyễn Thị Kim Y được quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4/ Buộc bà Bùi Thị C có nghĩa vụ T toán cho ông Nguyễn Văn T 194.960.619 đồng tiền chênh lệch tài sản (Trong đó: giá trị nhà là 121.232.619 đồng, giá trị thửa đất 206 là 60.228.000đồng, giá trị chênh lệch xe là 13.500.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5/ Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn T bà Bùi Thị C mỗi người phải chịu 22.497.300 đồng án phí chia tài sản.

Tiền án phí của ông T được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.100.000 đồng theo biên lai số 0007386 ngày 14/02/2020 của Chi Cục Thi

hành án dân sự huyện C Thành. Ông T còn phải nộp tiếp 8.397.300 đồng án phí chia tài sản.

Tiền án phí của bà C được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.173.000 đồng theo biên lai số 0009173 ngày 03/6/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C Thành. Bà C còn phải nộp tiếp 14.324.300 đồng án phí chia tài sản.

- Chị Nguyễn Kim Anh và Nguyễn Thị Kim Y phải liên đới chịu 12.559.000 đồng án phí chia tài sản, được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Kim Anh và Kim Y đã nộp là: $6.798.000đ \times 2 = 13.596.000$ đồng theo biên lai số 0009174, 009175 ngày 03/6/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C Thành. Chị Kim Anh và Kim Y mỗi người được nhận lại 518.500 đồng tiền tạm ứng án phí.

6/ Về chi phí tố tụng khác: Tổng cộng chi phí thẩm định, đo đạc, định giá là 12.818.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị C mỗi người phải chịu 4.272.700 đồng. Nguyễn Kim Anh và Nguyễn Thị Kim Y liên đới chịu 4.272.600 đồng (Ông T đã nộp tạm ứng và đã chi xong). Do đó, bà C có nghĩa vụ trả cho ông T 4.272.700 đồng, Kim Anh và Kim Y có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T 4.272.600 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

- Ngày 22/7/2022, Bà Bùi Thị C và chị Nguyễn Kim Anh kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm chia tài sản chung làm 4 phần và xem xét lại tiền nộp tạm ứng án phí mà tòa sơ thẩm đã tuyên về chia tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

+ Bà Bùi Thị C và chị Nguyễn Kim Anh vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến: Xét kháng cáo của bà Bùi Thị C và chị Nguyễn Kim Anh là không có căn cứ; nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà C, chị Anh; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bà Bùi Thị C và chị Nguyễn Kim Anh, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà C và chị Kim Anh kháng cáo cho rằng các tài sản tranh chấp trong vụ án gồm:

- Thửa đất 206, tờ bản đồ số 18, diện tích 167,3m² đất ở nông thôn.

- Thửa đất 294, tờ bản đồ 63, diện tích đo đạc thực tế 1.613,5m² đất trồng cây lâu năm.

- Thửa đất số 1650, tờ bản đồ số 45, diện tích đo đạc thực tế 10.132m² đất chuyên trồng lúa nước.

- 01 căn nhà cấp 4 xây dựng trên thửa đất 206 và 01 căn nhà xây dựng trên thửa đất 294 (đã hư).

Là tài sản chung của cả hộ ông T, bà C, chị Kim Anh và chị Kim Y, chứ không phải chỉ là tài sản chung của ông T và bà C và vì vậy chỉ đồng ý chia cho ông T ¼ giá trị mỗi thửa đất và tài sản trên đất.

Xét thấy, theo hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự thì các thửa đất 206, 294 và 1650 có nguồn gốc do ông T và bà C nhận chuyển nhượng của bà Trương Thị Cúc, ông Nguyễn Văn Ai và bà Trần Thị Tuyết vào các năm 2002, 2006 và 2009. Tuy nhiên, khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa đất 294 và thửa 1650 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T. Theo ông T và bà C trình bày thì hộ ông T gồm có: ông T, bà C cùng với 02 con là Nguyễn Kim Anh và Nguyễn Thị Kim Y. Ông T cho rằng Kim Anh và Kim Y tuy là thành viên trong hộ nhưng không có công sức đóng góp gì đối với thửa đất 294 và thửa 1650. Bà C, Kim Anh, Kim Y thì cho rằng Kim Anh và Kim Y có công sức đóng góp vì tiền mua các thửa đất và xây nhà là do Kim Anh và Kim Y đi làm thuê gửi về nhưng lời trình bày này của bà C và Kim Anh, Kim Y không được ông T thừa nhận, phía bà C, Kim Anh và Kim Y cũng không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh.

Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử xác định các thửa đất số 206, 294, 1650 và căn nhà trên thửa đất số 206 đều chỉ là tài sản chung của ông T và bà C, đồng thời tuyên xử chấp nhận yêu cầu của ông T giao thửa đất 206 cùng tài sản trên đất cho bà C quản lý sử dụng và buộc bà C T toán cho ông T ½ giá trị tài sản là 181.460.619 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật; đối với thì Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận sự tự nguyện của ông T chỉ yêu cầu chia 1/3 giá trị thửa đất 294 và thửa 1650 cũng phù hợp và đã có lợi cho bà C, chị Kim Anh và chị Kim Y.

Và do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên về phần án phí đối với các bên đương sự là đúng pháp luật, nên cũng không có cơ sở xem xét yêu cầu kháng cáo này của bà C và chị Kim Anh.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Bùi Thị C, chị Nguyễn Kim Anh cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện cũng như yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Bùi Thị C, chị Nguyễn Kim Anh, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu về việc tuân thủ pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và không có kiến nghị. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của

bà Bùi Thị C và chị Nguyễn Kim Anh, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Huyện C Thành. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị trên là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên bà C và chị Kim Anh phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 148 và khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 33, 34 Điều 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị C và chị Nguyễn Kim Anh.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 12/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện C Thành.

Chấp nhận yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn của ông Nguyễn Văn T.

1/ Ông Nguyễn Văn T được quyền sử dụng và sở hữu tài sản:

- 535m² đất trồng cây lâu năm theo các mốc 13, 14, 15, 16, 23, 13, thuộc một phần thửa 294, tờ bản đồ 63, tọa lạc xã Phú Long, huyện C Thành, tỉnh Đồng Tháp (đất ông Nguyễn Ngọc T đang thuê).

- 3.380m đất chuyên trồng lúa nước theo các mốc 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 1, 2, 23 thuộc một phần thửa đất số 1650, tờ bản đồ số 45, tọa lạc xã Phú Long, huyện C Thành, tỉnh Đồng Tháp (đất ông Nguyễn Ngọc T đang thuê).

- 01 xe Future biển số kiểm soát 66C1-17636 do ông T đứng tên (ông T đang sử dụng).

2/ Bà Bùi Thị C được quyền sử dụng và sở hữu tài sản:

- 167,3m² đất ở tại nông thôn thuộc thửa đất 206, tờ bản đồ số 18, tọa lạc xã Phú Long, huyện C Thành, tỉnh Đồng Tháp (đất bà C đang sử dụng).

- 544,5m² đất trồng cây lâu năm theo các mốc 9, 10, 11, 12, 24, 9, thuộc một phần thửa đất số 294, tờ bản đồ số 63, tọa lạc xã Phú Long, huyện C Thành, tỉnh Đồng Tháp (đất ông T đang thuê).

- 3.370m² đất chuyên trồng lúa nước theo các mốc 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 24, 3, thuộc một phần thửa đất số 1650, tờ bản đồ số 45, tọa lạc xã Phú Long, huyện C Thành, tỉnh Đồng Tháp (đất ông T đang thuê).

- 01 căn nhà cấp 4 xây dựng trên thửa đất 206 (bà C đang ở)

- 01 xe SH Mode biển số kiểm soát 66C1- 36245 do ông T đứng tên (bà C đang sử dụng).

3/ Chị Nguyễn Kim Anh và Nguyễn Thị Kim Y được quyền sử dụng:

- 534m² đất trồng cây lâu năm theo các mốc 12,13, 23, 24, 12 thuộc một phần thửa đất số 294, tờ bản đồ số 63, tọa lạc xã Phú Long, huyện C Thành, tỉnh Đồng Tháp (đất ông T đang thuê).

- 3.382m² đất chuyên trồng lúa nước theo các mốc 2, 3, 24, 23, 2, thuộc một phần thửa đất số 1650, tờ bản đồ số 45, tọa lạc xã Phú Long, huyện C Thành, tỉnh Đồng Tháp (đất ông T đang thuê).

(Kém theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/02/2020 và Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 04/5/2020 và ngày 23/11/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C Thành).

Ông Nguyễn Ngọc T và anh Nguyễn Minh T2 có nghĩa vụ giao diện tích đất đã chia cho ông T, bà C, Kim Anh, Kim Y.

Ông Nguyễn Văn T, bà Bùi Thị C và chị Nguyễn Kim Anh, Nguyễn Thị Kim Y được quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4/ Buộc bà Bùi Thị C có nghĩa vụ T toán cho ông Nguyễn Văn T 194.960.619 đồng tiền chênh lệch tài sản (Trong đó: giá trị nhà là 121.232.619 đồng, giá trị thửa đất 206 là 60.228.000 đồng, giá trị chênh lệch xe là 13.500.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5/ Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị C mỗi người phải chịu 22.497.300 đồng án phí chia tài sản.

Tiền án phí của ông T được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.100.000 đồng theo biên lai số 0007386 ngày 14/02/2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C Thành. Ông T còn phải nộp tiếp 8.397.300 đồng án phí chia tài sản.

Tiền án phí của bà C được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.173.000 đồng theo biên lai số 0009173 ngày 03/6/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C Thành. Bà C còn phải nộp tiếp 14.324.300 đồng án phí chia tài sản.

- Chị Nguyễn Kim Anh và Nguyễn Thị Kim Y phải liên đới chịu 12.559.000 đồng án phí chia tài sản, được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Kim Anh và Kim Y đã nộp là: $6.798.000 \times 2 = 13.596.000$ đồng theo biên lai số 0009174, 009175 ngày 03/6/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C Thành. Chị Kim Anh và Kim Y mỗi người được nhận lại 518.500 đồng tiền tạm ứng án phí.

6/ Về chi phí tố tụng khác: Tổng cộng chi phí thẩm định, đo đạc, định giá là 12.818.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị C mỗi người phải chịu 4.272.700 đồng. Nguyễn Kim Anh và Nguyễn Thị Kim Y liên đới chịu 4.272.600 đồng (Ông T đã nộp tạm ứng và đã chi xong). Do đó, bà C có nghĩa vụ trả cho ông T 4.272.700 đồng, Kim Anh và Kim Y có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T 4.272.600 đồng.

7/ Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà C và chị Kim Anh mỗi người phải chịu 300.000đ nhưng được khấu trừ vào 600.000 đồng mà bà C và chị Kim Anh đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0013268 và 0013269 ngày 22/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C Thành (đã nộp xong)

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GD & KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện C Thành;
- Chi cục THADS huyện C Thành;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy